

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3	7:25	22	0		18	0	
2		RC6+RP1	7:25	8+14	0+0		3+19	0+0	
3		RP3+BK14+BK5	9:25	19+0+2	0+0+0		14+0+6	0+0+0	chuyen 1 rp3-bk14
4		RC4+RCDM	9:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
5		RP1+RC8+TD3	11:25	9+4+8	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
6		VSP02	11:25	19	0		19	0	puma
7		RC10+VSP02	11:25	6+15	0+0		0+18	0+0	
8		RP3+RC4+RC6	13:25	10+10+0	0+0+0		7+8+6	0+0+0	
9		P4+P3+TTC3	13:25	4+18+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày RP3-7ng, RC4-3ng, RC6-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CU'ONG - THU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VOEVODCHENKOV	RP3	04	1	8			100	KH-THAC	Russian
2	PHẠM HỮU THĂNG (HLO)	RP3	800	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI NGỌC THIẾT	RP3	02	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHONG	RP3						100	KHI	Vietnamese
5	TRẦN NHẬT HUY	RP3						70	KHI	Vietnamese
6	TRẦN HUY THỰC	RP3						75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN KIM NGỌC	RP3						65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TUẤN	RP3						78	KHI	Vietnamese
9	KHÔNG MINH HÙNG	RP3						64	KHI	Vietnamese
10	HỒ XUÂN LÂM	RP3	01	1	3			75	KHI	Vietnamese
11	HUỲNH NGỌC BÍCH	RP3	94	1	8			70	YTE	Vietnamese
12	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	96	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	92	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI ANH SƠN	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	93	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VĂN HIỀN	RP3	05	1	5	7	130	55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	99	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3	95	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TAT THANH	RP3	06	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC HUY	RP3	98	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ANH	RP3	97	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH CÔNG	RP3	03	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.572	15	90	7	130	18		
TOTAL		22	1.572	15	90	7	130	18		
WEIGHT KG			1.572		90		130			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024	TO: RC6 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN DỪNG	RC6						67	TTAT-BVM	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG DIỄN	RC6						62	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THỌ	RC6	20	1	4			93	D-HANH	Vietnamese
4	ĐO VĂN TUNG (HLO)	RC6	97	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RC6	98-99	2	9	4	70	66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	96	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	600	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	95	1	10			76	PSV	Vietnamese
9	TSOPANOV A.	RP1	12	1	8			100	KH-THAC	Russian
10	KOROGOLUEV G.	RP1	11	1	6			76	KH-THAC	Russian
11	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	04	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	10	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
14	TAO QUANG NGÂN	RP1						63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	05	1	5	1	10	82	KH-THAC	Vietnamese
16	LY XUÂN TRUNG	RP1	13	1	13			68	YTE	Vietnamese
17	TRẦN MINH HIẾU	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUÔNG VĂN MINH	RP1	09	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	07	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	RP1	08	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	06	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THUY	RP1	02-03	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC6	8	572	7	43	4	70	3		
2	RPI	14	1.048	12	93	1	10	19		
TOTAL		22	1.620	19	136	5	80	22		
WEIGHT KG			1.620		136		80			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024		TO: RP3 - BK14 - BK5				AIRCRAFT: 406			ETD: 09:50	
FLIGHT: 2		FROM: VT				CREW: CHIẾN - HTRUNG -			ETA: 11:40	
XANH-2						MQUÂN				
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	26	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	14	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	21	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	20	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO DUY TIẾN	RP3	28	1	7	1	19	82	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH LONG	RP3	15	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	17	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CÔNG (HLO)	RP3	23	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU THĂNG	RP3	31-32	2	15			93	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THẾ PHONG	RP3	22	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC OANH (HLO)	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
13	NOVIKOV ANDREY IU	RP3	33	1	5			98	D-HANH	Russian
14	HUYNH XUAN TRUONG	RP3	16	1	3			72	D-HANH	Vietnamese
15	TRAN QUANG NGUYEN	RP3	30	1	4			60	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LÂM	RP3	19	1	7	3	50	90	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN VIỆT	RP3	24-25	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HUNG	RP3	18	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN HỒNG	RP3	27	1	6			65	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN MINH	BK5	500,10	2	11	3	45	60	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH DANH	BK5	11-12	2	11			55	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.405	19	128	4	69	14	1	CHUYEN 1 PAX RP3-BK14
2	BK14	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK5	2	115	4	22	3	45	6		
TOTAL		21	1.520	23	150	7	114	20		
WEIGHT KG			1.520		150		114			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024	TO: RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYẾN - N.CUÔNG - THỤ	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN MANH	RC4						82	KH-THAC	Vietnamese
2	IUSUPOV D.	RC4						76	KH-THAC	Russian
3	PHAN VAN ĐỨC	RC4	41	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHUÊ	RC4	39-40	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET THANH	RC4	43	1	5	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG MINH KHANH	RC4	47	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HAI ANH	RC4	44-45	2	15	1	7	73	KH-THAC	Vietnamese
9	HAN TRICH GIANG	RC4	49-50	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN BAO	RC4	42	1	8			76	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HUNG (HLO)	RCDM	11-12	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUY	RCDM	03	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	05	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KIEM BAC	RCDM	3000,05	2	20	4	70	73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH THANG	RCDM	08-10	3	20			59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC PHAT	RCDM	94-95	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC QUANG	RCDM	93	1	14			63	XAYLAP	Vietnamese
18	VU QUOC KHAI	RCDM	91-92	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HAI BANG	RCDM	06-07	2	21			55	XAYLAP	Vietnamese
20	HINH NGOC GIANG	RCDM	98-99	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
21	VU VAN HIEP	RCDM	96-97	2	17			89	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM VAN HUÂN	RCDM	04	1	5			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	10	720	10	72	2	27	6		
2	RCDM	12	852	21	176	4	70	16		
TOTAL		22	1.572	31	248	6	97	22		
WEIGHT KG			1.572		248		97			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024	TO: VSP02	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	IANDIAN E.	VSP02	67-68	2	15			90	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.	VSP02	70	1	12			105	KH-THAC	Russian
3	ĐO QUANG HÙNG	VSP02	72-73	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	74	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN GIA LONG	VSP02	80-82	3	10			75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH THẾ ANH	VSP02	61	1	5	5	100	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH LÊ	VSP02						67	YTE	Vietnamese
8	BUI MINH QUÂN	VSP02	77	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	63	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LE MINH TUÂN	VSP02	66	1	12			98	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	76	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC THẠCH (HLO)	VSP02	75	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	69	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	78	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC ĐÔNG	VSP02	61	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO ĐỨC CHU	VSP02	62	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	60	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	64-65	2	10			100	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CHIẾN THĂNG	VSP02	79	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	19	1.435	23	137	5	100	19		
TOTAL		19	1.435	23	137	5	100	19		
WEIGHT KG			1.435		137		100			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2024	TO: RP1 - RC8 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LINH - SON - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG DINH BA	RP1	16	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH HO	RP1	17-18	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE DUC THIEN	RP1	21	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN SUU	RP1	22	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA QUY	RP1	15	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRONG HIEU	RP1	23	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH CONG	RP1						60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HUY	RP1	20	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO QUYET THANG	RP1	19	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH VAN THUAN	RC8	89	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	RC8	90	1	3	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
12	TO CONG TANH	RC8	88	1	3			66	PSV	Vietnamese
13	VU TIEN NGOC	RC8	91	1	10			82	DK9	Vietnamese
14	LE NGOC DUNG	TD3	34	1	8	5	85	61	KH-THAC	Vietnamese
15	KURPASOV V. (HLO)	TD3						78	KH-THAC	Russian
16	TRINH VAN TIEN	TD3	28	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TRUNG	TD3	32-33	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HOANG TUNG	TD3	35	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG KHOI NGUYEN	TD3	30	1	10	1	16	70	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG THE HAI	TD3	29	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TUAN	TD3	36	1	10			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	9	615	9	63	0	0	4		
2	RC8	4	285	4	26	1	20	3		
3	TD3	8	572	8	67	6	101	15		
TOTAL		21	1.472	21	156	7	121	22		
WEIGHT KG			1.472		156		121			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

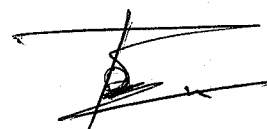
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2024	TO: RC10 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: DU'ONG - NPHU - TOAN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI NGOC THANG	RC10	07	1	10			50	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NGOC	RC10	08-09	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG NGOC MINH	RC10	12	1	8	2	30	60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VAN TUAN	RC10	11-12	2	12			57	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI VAN LINH	RC10	13	1	5			65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HOANG VIEN	RC10	14-15	2	12			52	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUANG HUNG	VSP02	97	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO CONG HUY	VSP02	64-65	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TAN	VSP02	63	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	91	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LE XUAN HUNG	VSP02	66-67	2	5			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	88	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG CUONG	VSP02	96	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM DUC TAI	VSP02	98	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN PHU	VSP02	94	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH DAN	VSP02	62	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	VO XUAN TOAN	VSP02	90	1	4			67	PSV	Vietnamese
18	LE DANG KHOA	VSP02	95	1	5			67	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	VSP02	89	1	5			85	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUAN (1971)	VSP02	93	1	5			75	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	92	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

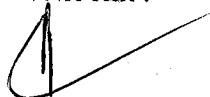
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	6	352	9	62	2	30	0		
2	VSP02	15	1.066	17	79	0	0	18		
TOTAL		21	1.418	26	141	2	30	18		
WEIGHT KG			1.418		141		30			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2024	TO: RP3 - RC4 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - SON - HIẾU	ETA: 16:20
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC HIỀN	RP3	41	1	10			78	DUY LINH	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH ĐÀO	RP3	37-38	2	18			73	DUY LINH	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC TRUNG	RP3	45	1	15			67	DUY LINH	Vietnamese
4	VU NGỌC TUAN	RP3	47-48	2	15			63	DUY LINH	Vietnamese
5	MAI VĂN TRUNG	RP3	46	1	7	1	20	55	DUY LINH	Vietnamese
6	PHẠM VĂN NGUYỄN	RP3	42	1	10			77	DUY LINH	Vietnamese
7	ĐẶNG TRẦN LONG	RP3	49-50	2	14			60	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH THANG	RP3	43-44	2	17			58	DUY LINH	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬT	RP3	39-40	2	15			94	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUNG	RC4	52-53	2	20			83	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN TÊ	RC4	57	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU CHÍNH	RC4	64-65	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MẠNH	RC4	54-55	2	25	3	50	60	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	RC4	62-63	2	18			95	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC THÈ	RC4	58-59	2	23			69	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐÔNG SƠN	RC4	60-61	2	24			75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN LÊ	RC4	66-67	2	20			69	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUỆ	RC4	68	1	7			54	T-TIN	Vietnamese
19	HOANG THAI LONG	RC4	56	1	8			56	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KIẾN	RC4	51	1	9			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	9	625	14	121	1	20	7		
2	RC4	11	760	18	185	3	50	8		Đe 3 thùng rau 50kg lên ghe
3	RC6	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	1.385	32	306	4	70	21		
WEIGHT KG			1.385		306		70			

GRAND TOAL:

1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

đm VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2024	TO: P4 - P3 - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 16:25
CAM4			

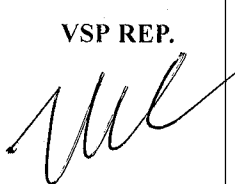
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUANG HAI	P4	46-47,49	3	22			84	GPWS	Vietnamese
2	LỤC VĂN KIẾN	P4	43	1	10			59	GPWS	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC THANH CHUNG	P4	48	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HOAN	P4	44-45	2	20			86	DVL	Vietnamese
5	TÔNG NGUYỄN CƯỜNG	P3	52-53	2	10			80	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	PHAN VĂN THANH	P3	44	1	11			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	THIỆU ĐÌNH TRUNG	P3	57	1	7			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG HAI NAM	P3				1	28	60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÂU	P3	58-59	2	18			65	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH NAM	P3	45	1	15			73	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	ĐO QUỐC VŨ	P3	48-49	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THANH	P3	33	1	12			74	XAYLAP	Vietnamese
13	HA XUÂN ĐẠT	P3	50-51	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN PHU NAM	P3	43	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG HOAN	P3	41-42	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN THÈ	P3	37-38	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MINH	P3	46	1	10	1	15	60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P3	40	1	10	1	15	85	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÙNG	P3	34	1	19			71	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HUY KHANH	P3	55-56	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
21	HA VĂN NGHĨA	P3	35-36	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
22	NINH VĂN SƠN	P3	31-32	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

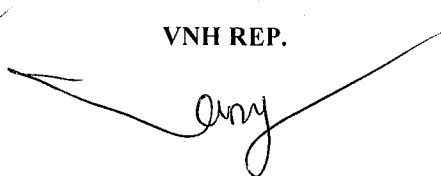
No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	P4	4	305	7	61	0	0	0			
2	P3	18	1.211	26	240	3	58	15			
3	TTC3	0	0	0	0	0	0	7			
TOTAL		22	1.516	33	301	3	58	22			
WEIGHT KG			1.516		301		58				

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lam VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	22	0		22	0	
2		P9+P11+TD1	7:25	2+1+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		CLO+CTK3	7:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
4		BK16+CLO	9:25	6+15	0+0		5+17	0+0	
5		PPD+CTK3+GTCT1	9:25	6+11+5	0+0+0		6+10+6	0+0+0	
6		AMD+P7+CTK3	9:25	6+6+10	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
7		HSD+AMD	11:15	4+15	0+0		0+19	0+0	puma
8		PPD+RP2+RP3	11:25	17+2+3	0+0+0		15+1+5	0+0+0	chuyen 2 ppd-rp3
9		BK4+P8	11:25	1+20	0+0		1+21	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về rong ngày PPD-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THANH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE HONG DAI	PPD	87	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG VINH	PPD						104	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	90	1	7			87	KHI	Vietnamese
4	VU THANH BINH	PPD	85	1	5			83	KHI	Vietnamese
5	HUYNH TAN THANH	PPD	400	1	8			72	KHI	Vietnamese
6	ĐANG HONG QUAN	PPD	99	1	6			78	KHI	Vietnamese
7	PHAM DUC TOAN LOC	PPD	96	1	3			83	KHI	Vietnamese
8	ĐANG PHUC THANG	PPD	98	1	7			87	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TU	PPD	86	1	7			78	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG SON	PPD	97	1	7			59	KHI	Vietnamese
11	PHAN VAN THINH	PPD	84	1	6			72	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN THI HANG	PPD						60	NIPI	Vietnamese
13	HOANG MINH TRI	PPD						83	BIENDONG	Vietnamese
14	NGO VIET ANH	PPD	92	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	91	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM THANH KIM	PPD	83	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HOANG	PPD	93	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
18	VU CHI KIEN	PPD	82	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC HIEU	PPD	89	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN ANH	PPD	94	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG XUAN HAI	PPD	95	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ HỒ HAI	PPD	88	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	22	1.650	19	118	0	0	22		
TOTAL		22	1.650	19	118	0	0	22		
WEIGHT KG			1.650		118		0			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2024		TO: P9 - P11 - TD1				AIRCRAFT: 406			ETD: 07:35	
FLIGHT: 02		FROM: VT				CREW: LTUÂN - ĐNAM - DTÙNG			ETA: 09:25	
CAM-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN QUANG HUY	P9	62	1	9			62	DK9	Vietnamese
2	HỒ QUANG HIỆP	P9	54-55	2	10			67	DK9	Vietnamese
3	PHAM VAN DUC	P11	20,83	2	15			79	TH-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD1	75	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	77	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOAN VĂN LEO	TD1	71	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THIỀU	TD1	79	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	74	1	5	3	60	71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HAI	TD1	81	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ANH TUÂN	TD1	69	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	78.	1	5			93	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC DUNG	TD1	79	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
14	TÔNG TIẾN QUANG	TD1	70	1	14			81	DVL	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD1	73	1	10			95	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VŨ TÍNH	TD1	80	1	12			66	DVL	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÍNH	TD1	68	1	6			93	PSV	Vietnamese
18	HOANG NGOC KHANH	TD1	72	1	5			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

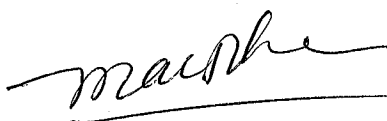
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P9		2	129	3	19	0	0	0		
2	P11		1	79	2	15	0	0	0		
3	TD1		15	1.153	14	103	3	60	22		
TOTAL			18	1.361	19	137	3	60	22		
WEIGHT KG				1.361		137		60			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024	TO: CLO - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DATSKO PAVEL	CLO	37	1	13			114	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TIEN SINH	CLO	39-40	2	14			65	KHOAN	Vietnamese
3	VU MINH TU	CLO	36	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐUỘC	CLO	38	1	5	5	100	68	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	CLO	41	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN BÓN	CLO	35	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
7	BOGDANOV	CTK3	97-98	2	14			77	KH-THAC	Russian
8	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	95	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	74	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	90,92	2	17			55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HUỆ (HILO)	CTK3	99	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH CHUNG	CTK3						74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG DINH HAI	CTK3	96,99	2	12			85	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAM VĂN THANH	CTK3	94	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	08	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DUNG	CTK3	06	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUU HUÂN	CTK3	500	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	73	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HUNG	CTK3	96	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
20	VU BAO AN	CTK3	07	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3	400	1	18			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	93	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	6	453	7	52	5	100	1		
2	CTK3	16	1.125	18	122	0	0	21+	INB	INB: THAI QUANG HUY (GHE PHU)
TOTAL		22	1.578	25	174	5	100	22		
WEIGHT KG			1.578		174		100			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Quỹ VSP.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2024		TO: BK16 - CLO				AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50	
FLIGHT: 04		FROM: VT				CREW: HÙNG - MTHAO - THÀNH			ETA: 11:40	
CAM-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ CÔNG KHANG	BK16	22	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO KIM CUÔNG	BK16	23	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	38	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	26	1	3			88	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN NHÂN	BK16	24-25	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	BK16	37	1	5			82	PSV	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	18	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	02	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TAM	CLO	05	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	17	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU ĐÌNH MINH	CLO	07-08	2	18			81	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ THUẬN THANH	CLO	09	1	15			73	KHOAN	Vietnamese
13	BUI THAI QUI	CLO	04	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUYNH TRUNG	CLO	03	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUNG	CLO	16	1	17			72	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ ANH HIẾU	CLO	11-12	2	20			58	SCHLUMBE	Vietnamese
17	VÔ TÂN HOA	CLO	13-14	2	20			78	SCHLUMBE	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	15	1	7			57	D-HANH	Vietnamese
19	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	06	1	10			67	DVL	Vietnamese
20	ĐUỠNG MINH VIỆT	CLO	10	1	8			66	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	01	1	6			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	BK16	6	443	7	42	0	0	5			
2	CLO	15	1.027	18	164	0	0	17			
TOTAL		21	1.470	25	206	0	0	22			
WEIGHT KG			1.470		206		0				

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024		TO: PPD - CTK3 - GTC1				AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 05		FROM: VT				CREW: LTUẤN - ĐNAM - DTÙNG			ETA: 11:45		
VANG-2											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	ĐỖ HỮU NAM		PPD	78	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐỨC TON		PPD	81	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH THẮNG		PPD	80	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG VĂN TĂNG		PPD	76	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH HOA		PPD	79	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐẠI THẮNG		PPD	77	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH DUNG		CTK3	24	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU TRUNG		CTK3	15	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN		CTK3	23	1	12			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		CTK3	26	1	15			86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ QUANG THẮNG		CTK3	20	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH KHÔI		CTK3	21	1	19			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LUYỄN VĂN THIỆU		CTK3	16-17	2	10			84	KH-THAC	Vietnamese
14	VU HỮU HÀ		CTK3	22	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN BÌNH		CTK3	27	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ HỮU ĐỨC		CTK3	18-19	2	15			95	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI ĐỨC THẮNG		CTK3	25	1	10			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
18	PHẠM XUAN VINH PHUC (HLO)		GTC1	92	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG		GTC1	100	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN SƠN TÙNG		GTC1				2	40	76	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TUYẾN		GTC1						69	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU VĂN TUẤN		GTC1	93	1	4			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	6	403	6	35	0	0	6		
2	CTK3	11	866	13	112	0	0	10		
3	GTC1	5	377	3	18	2	40	6		
TOTAL		22	1.646	22	165	2	40	22		
WEIGHT KG			1.646		165		40			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2024	TO: AMD - P7 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:50
TRANG-2			

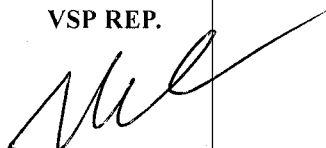
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	STANLEY FUREY	AMD	47-48	2	16			102	BAB	British
2	GARY SCOTT FEARN	AMD	49	1	5			86	BAB	British
3	MUHAMMAD AKMAL BIN MOHZAN	AMD	54-55	2	12			87	BAB	Malaysian
4	MOHD ZAKIYANI MOHAMAD RASHIDI	AMD	52-53	2	10			104	BAB	Malaysian
5	NGUYEN VO BA LINH	AMD	45-46	2	15			75	HLJOC	Vietnamese
6	THAN CANH THINH	AMD	50-51	2	12			75	TLJOC	Vietnamese
7	TRAN VU CA	P7	62-63	2	14			68	BIEN DONG	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KIEU	P7	64-65	2	15			67	BIENDONG	Vietnamese
9	NGUYEN CANH TOAN	P7	60	1	13			65	BIENDONG	Vietnamese
10	THAI VAN TAI	P7	57-58	2	16			57	BIENDONG	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG VINH	P7	59	1	7	2	40	67	BIENDONG	Vietnamese
12	VU VAN HUY	P7	61	1	15			62	BIENDONG	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	23-24	2	15			50	BIENDONG	Vietnamese
14	THAI THANH NGOC	CTK3	22	1	10			62	BIENDONG	Vietnamese
15	NGUYEN HUU BAO	CTK3	19	1	12			65	BIENDONG	Vietnamese
16	TONG NGUYEN NAM	CTK3	20-21	2	12			85	BIENDONG	Vietnamese
17	TRAN VIET TUAN	CTK3	16	1	10			61	BIENDONG	Vietnamese
18	TRAN VAN KIM	CTK3	14-15	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN ĐANG TUNG	CTK3	18	1	10			64	PSV	Vietnamese
20	VU VAN KIET	CTK3	25	1	5			64	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG AN	CTK3	13,17	2	14			57	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	6	529	11	70	0	0	4		
2	P7	6	386	9	80	2	40	0		
3	CTK3	9	570	13	108	0	0	18		
TOTAL		21	1.485	33	258	2	40	22		
WEIGHT KG			1.485		258		40			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024	TO: HSD - AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ATUÁN - MẠNH	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MẠNH CÂN	HSD	07	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HUNG	HSD	08-09	2	15	2	40	85	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	HSD	10	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN QUỐC	HSD	06	1	5			60	PSV	Vietnamese
5	TRẦN LÊ HOA	AMD	58	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI MINH KHA	AMD	59	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG THẾ HIỀN	AMD	72	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	62-64	3	15			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	70-71	2	8			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	56	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆU	AMD	73	1	6	3	50	80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	57	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
13	LY CAO THĂNG	AMD	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	74-75	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI THANH THAO	AMD	69	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	67	1	5			63	PSV	Vietnamese
17	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	61	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	65-66	2	10			65	PSV	Vietnamese
19	PHAN VĂN HOA	AMD	68	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	HSD	4	302	5	32	2	40	0		
2	AMD	15	1.031	20	104	3	50	19		
TOTAL		19	1.333	25	136	5	90	19		
WEIGHT KG			1.333		136		90			

GRAND TOAL: 1.559 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024	TO: PPD - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - HUY	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	36	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN HOAI BAO	PPD	37	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	25,17	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	35	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC DUNG	PPD	38	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HUY	PPD	22-23	2	15	2	28	71	MERMAID	Vietnamese
7	PHẠM THANH ĐỎ	PPD	21	1	12			84	MERMAID	Vietnamese
8	HOÀNG CÔNG ĐỨC	PPD	24	1	8	3	67	63	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	PPD	27	1	9			56	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HOANG PHONG	PPD	26	1	9			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU CHIẾN	PPD	34	1	6			70	KHI	Vietnamese
12	LE VĂN SƠN	PPD	30	1	5			71	CANTI	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG HIỆU	PPD	33	1	8			63	CANTI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	PPD	29	1	5			67	CANTI	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHONG	PPD	31	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN HỘI	PPD	32	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN DƯ	PPD	28	1	10			68	PSV	Vietnamese
18	BUI DUY CƯỜNG	RP2	22	1	5	1	9	60	YTE	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	RP2	23	1	5	2	30	70	YTE	Vietnamese
20	VĂN NGỌC TÂM	RP3	53-54	2	14	1	15	67	DUY LINH	Vietnamese
21	VÔ QUANG HÀ	RP3	52	1	13	1	15	68	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	17	1.145	19	136	5	95	15+2		CHUYEN 2 PAX PPD RP3
2	RP2	2	130	2	10	3	39	1		
3	RP3	2	135	3	27	2	30	5		
TOTAL		21	1.410	24	173	10	164	21		
WEIGHT KG			1.410		173		164			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2024	TO: BK4 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SƠN - NNAM	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TRUONG BIEN	BK4	62	1	5			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LE	P8	47	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ MINH ĐỨC	P8	74	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHA	P8	76-77	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
5	HA MANH CUONG	P8	54	1	10	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC HUY	P8	69	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HA	P8	48-49	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TRUONG	P8	52-53	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
9	LE XUAN TINH	P8	75	1	10			72	XAYLAP	Vietnamese
10	HA MANH HUNG	P8	78-79	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN TUYEN	P8	56-57	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ THANH BÌNH	P8	58-59	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM TIEN SY	P8	70	1	15	1	20	74	XAYLAP	Vietnamese
14	CHU TIEN DUNG	P8	64-65	2	15			90	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN TAI	P8	50-51	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TAM	P8	62-63	2	20	1	74	77	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VIET DUY	P8	60-61	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ NGHĨA DUNG	P8	72	1	17	1	10	75	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH VĂN THIÊN	P8	67-68	2	17			58	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC ANH	P8	66	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	1	68	1	5	0	0	1		
2	P8	19	1.323	30	304	4	119	19		THAO I GHE DOI CHO HANG
TOTAL		20	1.391	31	309	4	119	20		
WEIGHT KG			1.391		309		119			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN